

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2017/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 12 - 2017

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Trương Kiều O, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa anh H, chị O có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Chí H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh với chị Trương Kiều O tự nguyện chung sống năm 1995, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm, sự việc được hai bên thân tộc hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh nhận thấy giữa anh với chị O không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa anh với chị O là vợ chồng.

- Về con chung: Anh H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996 và Nguyễn Bảo Ng, sinh năm 2003. Khi ly hôn, đối với cháu T đã trưởng thành không bị hạn chế về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Ng đang sống cùng với chị O, anh thống nhất giao cho chị O được tiếp tục nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Ng theo quy định của pháp luật; nếu chị O từ chối việc nuôi con, anh yêu cầu giao cháu Ng lại cho anh nuôi và anh không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng.

- Về tài sản: Anh H xác định vợ chồng tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ: Anh H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn chị Trương Kiều O trình bày:

- Về hôn nhân: Qua phần trình bày của anh H về ngày tháng năm chung sống, không đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là đúng. Nay chị O đồng ý theo yêu cầu anh H là không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị với anh H là vợ chồng.

- Về con chung: Chị O thống nhất theo lời trình bày của anh H về con chung. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo Ng sinh năm 2003 và thống nhất việc cấp dưỡng nuôi con chung như anh H trình bày.

- Về tài sản: Chị O thống nhất theo trình bày của anh H là chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ: Chị O xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Chí H với chị Trương Kiều O chung sống với nhau năm 1995, anh, chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh H xác định giữa anh với chị O không thể tiếp tục chung sống với nhau được

nữa nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh với chị O là vợ chồng, được chị O đồng ý. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, không công nhận anh Nguyễn Chí H với chị Trương Kiều O là vợ chồng.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Chí H và chị Trương Kiều O có 02 người con tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996 và Nguyễn Bảo Ng, sinh năm 2003; đối với cháu T đã trưởng thành không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với cháu Ng đang sống cùng với chị O, tại phiên tòa anh H và chị O thỏa thuận giao cháu Ng cho chị O được tiếp tục nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của anh H và chị O là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Ng cho chị O được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con, chị O và anh H thống nhất với nhau anh H cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng bằng 650.000 đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Chí H và chị Trương Kiều O xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Chí H và chị Trương Kiều O xác định không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình và án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Chí H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Chí H.

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Chí H và chị Trương Kiều O là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Ng sinh năm 2003 cho chị Trương Kiều O được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Chí H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Bảo Ng mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng), việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần kể từ ngày 20/12/2017 cho đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, kể từ ngày chị Trương Kiều O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Chí H không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Chí H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0009113 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

- Án phí dân sự sơ thẩm anh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh H, chị O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tiêu Hồng Phụng